

BIẾN ĐỔI SINH KẾ CỦA NGƯỜI MÔNG Ở XÃ TÀ XÙA, HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SON LA

Nguyễn Thị Huyền
Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Là tộc người cư trú trên địa bàn núi cao, giao thông còn nhiều khó khăn, đời sống kinh tế chủ yếu vẫn tự cấp tự túc, ít giao lưu, trao đổi với các tộc người và địa phương bên ngoài; do đó, cho đến nay, sinh kế chủ đạo của người Mông ở xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên (Sơn La) chủ yếu vẫn là sản xuất nông nghiệp. Một số hình thức sinh kế mới như dịch vụ nhà nghỉ, buôn bán hàng hóa, du lịch... xuất hiện, dù vẫn còn sơ khai nhưng đã phần nào cải thiện đời sống người dân địa phương. Bài viết căn cứ trên những tư liệu thu được trong các đợt nghiên cứu điền dã tại thực địa để tập trung phân tích, làm rõ về những biến đổi trong sinh kế của người Mông ở xã Tà Xùa; chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa sinh kế truyền thống và sinh kế hiện nay. Trên cơ sở đó, bài viết mong muốn đóng góp một phần cơ sở thực tiễn, làm căn cứ cho việc hoạch định chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đi vào chiều sâu, phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương và tộc người. Từ đó đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc thiểu số nói chung và vùng người Mông xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên nói riêng.

Từ khóa: Biến đổi sinh kế, người Mông, Tà Xùa, Bắc Yên

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tà Xùa là một xã vùng cao còn nhiều khó khăn của huyện Bắc Yên (Sơn La), cách trung tâm huyện Bắc Yên 14,5 km, cách thành phố Sơn La khoảng 100 km. Phía Bắc giáp xã Bản Mù, huyện Trạm Tấu (tỉnh Yên Bái); phía Nam giáp xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên; phía Đông giáp xã Suối Tọ và xã Suối Bau huyện Phù Yên; phía Tây giáp xã Làng Chếu và xã Xím Vàng huyện Bắc Yên (tỉnh Sơn La) [1]. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 4.138,61 ha, trong đó đất nông nghiệp có 2.457,71 ha, chiếm 59,4%. Theo tư liệu điền dã, tính đến tháng 9/2020, toàn xã có 527 hộ, 3.212 nhân khẩu, thành phần dân tộc chủ yếu là dân tộc Mông (với 2 nhóm chính là Mông Hoa và Mông Đen) chiếm hơn 99%, còn lại người Kinh và người Thái chiếm 1%. Cuối năm 2019, trên cơ sở hợp nhất 8 bản cũ, xã Tà Xùa hiện gồm 4 bản: Bản Tà Xùa A, Bản Bẹ, Bản Chung Trinh và Bản Trờ A.

Về điều kiện phát triển kinh tế: do Tà Xùa là một xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, giao thông đi lại rất khó khăn, đồng bào người Mông sống khép kín, ít giao lưu với bên ngoài, bởi vậy, đến trước năm 1998, đời sống người dân tại địa bàn vẫn hết sức khó khăn, diện mạo nông thôn chưa có sự khởi sắc. Phải kể từ năm 1998 trở đi, khi “Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi” (gọi tắt là Chương trình 135) được triển

khai, thì kinh tế - xã hội của địa phương mới có sự chuyển biến, đời sống đồng bào Mông ở xã Tà Xùa mới bắt đầu có những thay đổi. Hệ thống đường giao thông được đầu tư xây dựng, việc đi lại thuận tiện hơn từ đó mở ra các cơ hội về làm ăn kinh tế, giao lưu trao đổi văn hóa, lớp trẻ được đi học, đi làm ở những thành phố lớn và phát triển... từ đó nhận thức của người dân có sự thay đổi đáng kể so với trước đây. Chính những yếu tố này là cơ sở và là nguyên nhân dẫn tới nhiều thay đổi sâu rộng trong đời sống kinh tế - xã hội của người Mông nơi đây [2].

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp điền dã dân tộc học được xác định là phương pháp nghiên cứu chủ đạo. Theo đó, tác giả đã thực hiện 4 đợt điền dã tại địa bàn xã Tà Xùa từ tháng 5/2017 đến tháng 10/2019, mỗi đợt điền dã thường kéo dài ít nhất 3 ngày, dài nhất 5 ngày. Do địa bàn dân cư phân bố không tập trung, vì vậy tác giả lựa chọn bản Tà Xùa A và bản Chung Trinh là 2 điểm nghiên cứu chính bởi đây là 2 bản có dân số đông, lịch sử định cư lâu đời, đồng thời thể hiện rõ nét sự biến đổi sinh kế của đồng bào Mông nơi đây. Bản Tà Xùa A là trung tâm của xã Tà Xùa, các hoạt động sinh kế mới như du lịch, buôn bán... chủ yếu diễn ra tại đây; ngược lại bản Chung Trinh nằm cách trung tâm xã Tà Xùa khoảng từ 5 đến 7km, tại đây đồng bào Mông vẫn tập trung vào sản xuất nông nghiệp, các hình thức sinh kế mới chưa thực sự thâm nhập và làm

biến đổi đời sống kinh tế - văn hóa của người dân. Từ kết quả nghiên cứu ở 2 điểm bản nêu trên, tác giả có thể làm căn cứ cho việc so sánh và đánh giá tác động của vấn đề biến đổi sinh kế hiện nay ở cộng đồng người Mông xã Tà Xùa.

Trong quá trình điền dã, tác giả đã cùng ăn, cùng ở, cùng làm với người dân từ đó hòa nhập và có những hiểu biết sâu sắc hơn về đời sống kinh tế, văn hóa và phong tục tập quán của đồng bào nơi đây. Các thao tác cơ bản trong phương pháp điền dã dân tộc học đã được áp dụng bao gồm:

Quan sát tham dự được tác giả sử dụng trong suốt quá trình điền dã tại địa phương. Trong đó đợt điền dã tháng 5/2017 và tháng 10/2019, tác giả đã trực tiếp ở cùng một số hộ dân ở bản Chung Trinh và tham gia lao động sản xuất (hái chè) cùng người dân; Tiếp đó, trong đợt điền dã tháng 10/2017 và tháng 12/2018, tác giả đã ở tại homestay A Châu và homestay Tú Mỹ (bản Tà Xùa A) để có thể quan sát và thực hiện phỏng vấn đối với chủ homestay và một số du khách đến du lịch tại Tà Xùa.

Thao tác *phỏng vấn sâu* được thực hiện với nhiều đối tượng khác nhau. Tác giả đã thực hiện được hơn 40 cuộc phỏng vấn với các đối tượng là nông dân, cán bộ xã, hưu trí, người buôn bán nhỏ, chủ homestay... với các độ tuổi, giới tính khác nhau để có thể thu được kết quả nghiên cứu đa chiều nhất. Ngoài ra, để biết được ý kiến của họ về những biến đổi trong sinh kế hiện nay, tác giả còn tiến hành một số buổi *thảo luận nhóm nhỏ* gồm những người kinh doanh homestay, cán bộ xã và những người làm nông nghiệp.

Trong quá trình thu thập tư liệu và tham dự, tác giả cũng sử dụng công cụ hỗ trợ chủ yếu là chụp ảnh và quay video nhằm ghi lại những tư liệu thực tế sinh động trong lao động sản xuất của người Mông tại địa bàn nghiên cứu.

Phương pháp hồi cố là một trong những phương pháp hết sức cần thiết và quan trọng đối với tác giả, bởi kinh nghiệm nghiên cứu còn hạn chế. Theo đó, tác giả đã gặp gỡ, trao đổi, lắng nghe và ghi chép lời kể từ những người lớn tuổi, cán bộ hưu trí từng đảm nhận các vị trí quan trọng trong chính quyền xã như nguyên Chủ tịch UBND xã, nguyên Chủ tịch Hội nông dân xã,... căn cứ vào tư liệu hồi cố để làm rõ thời gian và quá trình biến đổi sinh kế, cũng như ý kiến đánh giá của họ về sự biến đổi này.

Ngoài ra, phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu có sẵn, phương pháp so sánh đối chiếu các nguồn tư liệu... cũng được thực hiện nhằm thu được kết quả chính xác và khách quan nhất trong quá trình nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Các hoạt động sinh kế truyền thống và sự biến đổi

Do cư trú trên địa hình núi cao, giao thông không thuận lợi vì thế nông nghiệp được xác định là nguồn sinh kế chính của đồng bào Mông ở xã Tà Xùa, trong đó làm nương rẫy và canh tác ruộng nước là hoạt động sinh kế chủ đạo, ngoài ra các sinh kế phụ như chăn nuôi, làm vườn, nghề thủ công nghiệp... vẫn tồn tại và có vai trò quan trọng trong đời sống người dân nơi đây.

3.1.1. Làm nương rẫy

“Đồng bào Mông có kinh nghiệm làm nương từ lâu đời. Họ trồng trọt trên các sườn đồi, đó là những nơi có rừng cây rậm rạp, có thể là những rừng cây to, những rừng rứa hoặc những rừng tái sinh” [5, tr.27]. Trước đây người Mông thường canh tác theo lối “du canh, du cư”. Nay khi rừng bị thu hẹp, đồng thời thực hiện theo chính sách định canh định cư của Nhà nước, người Mông ở xã Tà Xùa không còn hiện tượng đốt phá rừng làm nương rẫy mà tập trung canh tác trên những khoảng nương đã được khai khẩn từ trước.

Tháng ba hàng năm sau khi ăn Tết xong cũng là lúc người Mông bắt đầu một mùa vụ mới. Với người Mông ở xã Tà Xùa, để canh tác nương rẫy người ta sử dụng nông cụ sản xuất chính là chiếc cày. *“Cày lật úp có xuống để thời gian đất ải, cỏ thối thành phân, rồi bừa cho đất tơi nhỏ. Khi gieo hạt một người cày đi trước, người đi sau một tay bỏ phân xuống đường cày từng năm theo một khoảng cách nhất định phù hợp với cây trồng, tay kia tra hạt xuống chỗ vừa bỏ phân, rồi dùng chân lấp”* [5, tr.30]... Ngoài ra, với những nương có độ dốc quá lớn, dùng cày có thể làm tăng khả năng xói mòn đất hoặc những nương không cày được thì đồng bào sẽ sử dụng cuốc để bở hóc tra hạt.

Nương của người Mông canh tác đa dạng các loại cây trồng gồm cây lương thực có hạt (lúa, ngô), cây lấy củ (dong riêng, sắn), cây nguyên liệu dùng cho may mặc (lanh), cây ăn quả, cây công nghiệp... Theo truyền thống, những nương có chất lượng tốt nhất, đất tơi xốp,

giàu mỡ thường được ưu tiên dùng trồng lanh nhằm phục vụ nhu cầu làm trang phục cho các thành viên trong gia đình. Thông thường nương lanh thường chiếm từ 1/3 đến 1/2 tổng diện tích đất nương mỗi hộ. Tuy nhiên đến nay, trên địa bàn toàn xã Tà Xùa đã không còn hộ gia đình nào trồng lanh, nguyên nhân là do nguyên liệu may mặc đã được thay thế bằng vải sợi công nghiệp có giá thành rẻ, đẹp và tiện lợi. Vải lanh chỉ còn được sử dụng trong tang ma với ý nghĩa về mặt tâm linh. *“Vải sợi lanh đối với người Hmông từ lâu đã trở thành tín hiệu để nhận biết cội nguồn, đến khi tận thế vẫn phải mặc quần, váy, áo bằng vải lanh. Người Hmông cho rằng chỉ có vải lanh mới không lạc tổ tiên”* [3, tr.211]. Bởi vậy, hiện nay đất nương ở xã Tà Xùa chủ yếu được sử dụng để trồng các loại cây lương thực và cây hoa màu. Các loại cây lương thực chính gồm lúa, ngô, sắn, dong riềng. Bên cạnh đó, người ta cũng trồng xen canh các loại cây hoa màu khác như các cây họ đậu, rau cải, khoai tây, dưa chuột... Từ năm 2016, thực hiện chủ trương chuyển đổi giống cây trồng trong sản xuất nông nghiệp, các loại cây công nghiệp (cây chè) và cây ăn quả như táo sơn tra, lê, đào... được UBND xã chú trọng đẩy mạnh trồng với diện tích ngày càng tăng và phát triển theo hướng cây trồng chủ lực của địa phương nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân.

Trong các bữa ăn hàng ngày, người Mông ở xã Tà Xùa có thói quen ăn cơm tẻ. Do vậy, cây lúa được xác định là cây lương thực chính trong sản xuất. Tuy nhiên trong vài năm trở lại đây, diện tích lúa nương đã có sự sụt giảm đáng kể. Nếu vụ mùa năm 2016, diện tích lúa nương đạt 90 ha thì đến vụ mùa năm 2019 diện tích này giảm xuống còn 77 ha. Một phần nguyên nhân được cho là do năng suất lúa nương thấp, chỉ đạt từ 0,7 - 0,9 tấn/ha và không ổn định. Ngược lại diện tích lúa ruộng trong những năm gần đây đều cho năng suất cao hơn nhiều lần so với lúa nương đã đáp ứng đủ nhu cầu lương thực cho người dân. Thêm vào đó việc đầu tư trồng và chăm sóc các giống cây trồng khác như chè, dong riềng, cây ăn quả... mang lại cho người dân nguồn thu nhập cao, ổn định hơn so với trồng lúa nên diện tích lúa nương bị giảm sút và thay vào đó là trồng các loại cây công nghiệp cho hiệu quả kinh tế cao hơn.

Ngoài trồng lúa, ngô - một loại cây trồng truyền thống cũng có sự sụt giảm đáng kể về

diện tích gieo trồng từ 85 ha (năm 2016) xuống còn 77 ha (năm 2019). Ngô được trồng chủ yếu làm thức ăn chăn nuôi, hoặc có thể dùng để cứu đói cho người dân trong những năm mất mùa thóc lúa. Diện tích đất ngô giảm, thay vào đó đồng bào ưu tiên trồng cây dong riềng. Từ năm 2016 đến năm 2018, diện tích trồng dong riềng liên tục tăng từ 80 ha lên 110 ha và vẫn phát triển ổn định cả về diện tích lẫn sản lượng. Theo kết quả phỏng vấn người dân địa phương, với 1ha dong riềng, tùy thuộc vào giá cả và năng suất mỗi vụ, mỗi hộ gia đình có thể thu được từ 10 đến 20 triệu đồng một năm.

Ở Tà Xùa, chè được xác định là loại cây trồng chủ lực của địa phương. Chè được trồng chủ yếu trên nương và một số ít ở xung quanh vườn nhà. Trên thực tế, chè không phải là giống cây trồng mới tại Tà Xùa bởi nơi đây hiện có hơn 1000 gốc chè cổ thụ hàng trăm năm tuổi đang được bảo tồn và cho thu hoạch với sản lượng khá cao. Bên cạnh đó, từ cuối những năm 1970, hợp tác xã trồng chè Chung Trinh cũng đã được thành lập, tham gia lao động sản xuất là các đội viên của bốn bản Tà Xùa A, Chung Trinh, Móng Vàng và Tà Xùa C. Tuy nhiên, do hạn chế về trình độ sản xuất, năng lực quản lý, đầu ra cho sản phẩm... dẫn đến làm ăn kém hiệu quả nên hợp tác xã này chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian sau đó bị giải thể... Mặc dù vậy, cây chè vẫn được đồng bào lưu giữ, không bị phá bỏ hoàn toàn. Từ năm 1998, sau khi Chương trình 135 được triển khai, đời sống kinh tế người dân dần có sự chuyển biến. Cây chè được UBND xã và người dân địa phương quan tâm đầu tư, phục hồi sản xuất. Hiện nay, tổng diện tích chè trong toàn xã là 194 ha, trong đó diện tích cây chè cho thu hoạch là 138,2 ha, diện tích chè chăm sóc chưa cho thu hoạch là 41,178 ha, diện tích chè trồng mới là 14,622 ha; số cây chè cổ thụ được đưa vào bảo tồn là 1.500 cây; thực hiện thí điểm mô hình ghép mắt cây chè là 400 cây. Năng suất chè búp tươi đạt từ 4.5 đến 5 tấn/ha. Sản lượng chè búp tươi năm 2019 đạt từ 15 đến 18 tấn [4]. Có thể nhận thấy, diện tích cây chè đang có xu hướng tăng dần qua các năm gần đây. Hầu hết, tất cả các hộ người Mông trong xã đều có nương trồng chè. Hộ nào ít cũng trồng được 1 đến 2 ha, hộ trồng nhiều lên đến 5,6 ha. Theo anh Lù A Châu (bản Chung Trinh) cho biết: thông thường 10 kg chè búp tươi sau khi sao sẽ cho ra 2kg chè khô. Chè vụ Xuân Hè tuy đạt sản lượng nhưng chất lượng

chè không cao nên giá bán thường giao động từ 200 - 250 nghìn/1 kg. Ngược lại chè vụn Đông tuy sản lượng búp thu được ít song chất lượng chè được nhận xét là thơm ngon, vị đậm đà và đạt nước hơn nên giá bán thường sẽ cao hơn chè vụn Xuân Hè từ 2 - 3 lần, đặc biệt gần đến những dịp cuối năm như Tết Nguyên đán của đồng bào dưới xuôi... chè Tà Xùa có thể bán được với giá lên tới 1 triệu đồng 1 kg. Trước đây, người Mông sao chè bằng phương pháp thủ công. Chè được sao bằng bếp củi trên những chiếc chảo sắt to. Từ đầu những năm 2000 trở lại đây, được sự hỗ trợ vốn của Nhà nước, đồng bào đã mua máy sao chè về sử dụng, từ đó công việc sao chè cũng đỡ vất vả và đạt hiệu quả hơn. Ông Lù A Chua (bản Chung Trinh) cho biết: Nhà ông có khoảng 2 ha chè đang cho thu hoạch, “*một năm tính cả lúc đắt lúc rẻ thì cũng thu được khoảng 50 triệu đồng*”. Có thể nhận thấy, với một tộc người vẫn dựa vào kinh tế nông nghiệp làm chủ đạo thì cây chè đã mang lại cho người Mông nơi đây một nguồn thu nhập có giá trị kinh tế tương đối cao và ổn định.

Hiện nay, ngoài cây chè, mô hình trồng cây ăn quả với các loại cây như đào, lê, sơn tra (táo mèo)... cũng được đồng bào Mông ở xã Tà Xùa chú trọng đầu tư trồng, chăm sóc và bước đầu cho thu hoạch với chất lượng tốt. Đặc biệt tháng 9/2020, sau khi Nhà máy chế biến nước hoa quả tươi và thảo dược Vân Hồ (tại bản Co Chàm, xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La) được khánh thành và đưa vào hoạt động chính là điều kiện đảm bảo đầu ra ổn định cho cây trồng, từ đó thúc đẩy mô hình trồng cây ăn quả ngày càng phát triển, góp phần nâng cao đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội người dân.

3.1.2. Trồng lúa nước

Cùng với làm nương rẫy, ruộng nước cũng là thành tố quan trọng trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp của người Mông ở xã Tà Xùa. Nếu nương rẫy canh tác được đa dạng các loại cây trồng thì trên đất ruộng người Mông chỉ canh tác được một loại cây trồng duy nhất là cây lúa. Người Mông canh tác lúa nước vào vụ Hè Thu, gieo trồng vào tháng 5, tháng 6 và thu hoạch vào tháng 10, tháng 11 hàng năm (theo dương lịch). Hiện nay, diện tích lúa nước của cả xã đạt 197 ha và phát triển ổn định qua các năm. Năng suất lúa nước đạt trung bình từ 3,9 đến 4,1 tấn/ha. Năm 2019, sản lượng lúa nước đạt 807,7 tấn. Nhờ áp dụng các giống lúa lai năng suất cao cùng với việc sử dụng các kỹ thuật chăm bón,

thuốc trừ sâu, diệt cỏ... vào sản xuất, đặc biệt do nguồn nước thuận lợi nên năng suất lúa nước thường cao gấp 4,5 lần so với lúa nương. Người Mông gieo cấy chủ yếu là các giống lúa tẻ dùng trong bữa ăn hàng ngày, lúa nếp chỉ được trồng trên một diện tích nhỏ dùng trong các dịp lễ tết, cưới hỏi hoặc tang ma. Lúa được sử dụng chủ yếu làm lương thực trong gia đình, bên cạnh đó, một phần dùng để nấu rượu, nuôi gia cầm. Những năm được mùa thóc lúa dùng không hết người dân có thể bán lấy tiền trang trải các nhu cầu khác trong cuộc sống hàng ngày.

3.1.3. Làm vườn và khai thác nguồn lợi tự nhiên

Người Mông trước kia không chú trọng việc làm vườn mà chỉ tập trung canh tác nương rẫy và làm lúa nước. Các giống hoa màu thường được trồng xen canh với cây lương thực trên nương. Ngày nay, dưới tác động của quá trình giao lưu, trao đổi hàng hóa ngày càng đa dạng, việc làm vườn của người Mông bắt đầu được để tâm canh tác. Vườn thường trồng một số giống cây cải, cây họ đậu, cây su su... chủ yếu dùng trong bữa ăn hàng ngày của gia đình, phần nào đó được thu hoạch và đem bán tại chợ thị trấn Bắc Yên, hoặc bán cho những gia đình kinh doanh dịch vụ homestay trên địa bàn xã cần rau xanh để phục vụ nhu cầu ăn uống của khách du lịch. Đồng thời, mỗi gia đình đều có một khoảnh vườn nhất định quanh nhà dùng để trồng một số loại cây dược liệu chuyên trị các loại bệnh thông thường... Mặc dù việc làm vườn của người Mông ở xã Tà Xùa chưa thực sự phát triển và mang lại nguồn lợi như cách một số tộc người vùng thấp đã và đang làm nhưng nó đã thể hiện sự chuyển biến trong phương thức sinh hoạt của đồng bào Mông vốn còn mang nặng tư tưởng tự cấp tự túc.

Khai thác nguồn lợi tự nhiên là phương thức sinh kế tồn tại từ buổi đầu sơ khai của lịch sử loài người và cho đến nay vẫn có giá trị đối với đời sống người dân. Khai thác nguồn lợi tự nhiên đối với đồng bào Mông ở xã Tà Xùa chủ yếu do rừng mang lại. Rừng cung cấp cho con người nguồn lợi vô cùng dồi dào, phong phú từ thức ăn hàng ngày, dược liệu chữa bệnh, cho đến tre, nứa, gỗ... dùng để làm nhà ở. Theo lời kể của ông Mùa A Xơ – nguyên Chủ tịch UBND xã Tà Xùa: trước đây do điều kiện khó khăn để có đủ gỗ làm nhà người ta thường phải chuẩn bị gỗ từ vài năm trước đó. Gỗ được khai thác hoàn toàn từ các khu rừng rậm, không phải

mua bán như ngày nay. Việc khai thác gỗ được thực hiện với sự góp sức của các thành viên trong dòng họ. Nhà của người Mông ở xã Tà Xùa có đặc trưng là nhà trệt, thưng gỗ rất chắc chắn, đảm bảo “hè mát, đông ấm”. Theo dòng chảy thời gian, trải qua mưa nắng và biến động xã hội, những ngôi nhà gỗ truyền thống vẫn tồn tại bền chắc và trở thành giá trị văn hóa độc đáo trong đời sống cộng đồng tộc người Mông tại địa phương.

Khoảng 20 năm trở lại đây, thực hiện chính sách của Nhà nước, rừng được giao về từng hộ gia đình chăm sóc, bảo vệ nên việc tự ý chặt phá rừng, khai thác gỗ không còn diễn ra. Người Mông ở Tà Xùa đã tập trung trồng rừng và bảo vệ rừng vừa có tác dụng chống xói mòn đất, phủ xanh đồi trọc đồng thời cũng là hình thức sinh kế mới thu được nguồn lợi kinh tế cao từ việc trồng các loại cây lấy gỗ như cây Sa mu, cây Pơ mu... Hoạt động khai thác được tiến hành đồng thời với chăm sóc và bảo vệ rừng. Năm 2019, tổng diện tích rừng của toàn xã Tà Xùa đạt 1.065,83 ha, trong đó diện tích rừng trồng là 282 ha [4]. Các dự án trồng rừng như Dự án 661, Chương trình dự án KFW7... vẫn được đẩy mạnh thực hiện, công tác khoanh nuôi bảo vệ rừng được UBND xã chú trọng chỉ đạo, hướng dẫn đồng bào thực hiện đạt hiệu quả theo kế hoạch đề ra.

Cho đến nay, hoạt động khai thác nguồn lợi tự vẫn diễn ra trong đời sống đồng bào Mông xã Tà Xùa. Vào thời gian nông nhàn, phụ nữ và trẻ em người Mông thường vào rừng kiếm củi, hái măng, hái nấm, tìm kiếm dược liệu, mật ong, tổ kiến,... đây là những sản vật tự nhiên vẫn có thể dễ dàng tìm kiếm trong các khu rừng hiện nay. Những loại sản vật này chủ yếu được dùng cho cuộc sống hàng ngày, khi cần cũng có thể đem bán hoặc trao đổi sang các loại hàng hóa thiết yếu khác.

3.1.4. Chăn nuôi

Chăn nuôi là hình thức sinh kế phụ nhưng thiết yếu của đồng bào người Mông. Nhìn chung chăn nuôi của người Mông ở xã Tà Xùa vẫn mang tính chất nhỏ lẻ, cá thể hộ gia đình với các giống vật nuôi chủ yếu gồm trâu, bò, ngựa, dê, lợn, chó, gà...

Người Mông chăn nuôi nhằm hai mục đích chính:

Thứ nhất, trong một năm, người Mông có rất nhiều các dịp lễ lớn, nhỏ với quy mô gia đình, dòng họ do vậy chăn nuôi trước hết là để

phục vụ nhu cầu cúng tế. Từ đó, có thể nhận thấy, chăn nuôi cũng là một yếu tố biểu thị mức sống khá giả hay nghèo đói của mỗi hộ gia đình.

Thứ hai, chăn nuôi gia súc lớn như trâu, bò, ngựa nhằm cung cấp sức kéo trong sản xuất nông nghiệp.

Trước kia, người Mông thường nuôi thả các loại gia súc gia cầm. Hiện nay, việc nuôi nhốt đã được thực hiện, thức ăn chăn nuôi chủ yếu vẫn là các loại lương thực như ngô, sắn, dong riềng... thức ăn công nghiệp, thuốc thú y chưa được đồng bào áp dụng phổ biến bởi năng suất chăn nuôi chưa cao đồng thời các loại dịch bệnh vẫn thường xuyên xảy ra. Việc mua bán gia súc, gia cầm có diễn ra nhưng không phổ biến.

3.1.5. Nghề thủ công nghiệp

Trong xã hội Mông truyền thống, mỗi hộ gia đình, mỗi cá nhân đều có thể coi là một “nghề nhân” bởi ai cũng phải thuần thục một nghề nào đó và có sự phân công lao động phù hợp với đặc điểm về giới và lứa tuổi. Nghề dệt gắn liền với vai trò của người phụ nữ. Với đôi bàn tay khéo léo, chị em phụ nữ người Mông đã tạo ra những chiếc váy áo sắc sỡ màu mang đặc trưng không thể hòa lẫn với trang phục của các dân tộc khác. Bất kì người phụ nữ Mông nào cũng đều biết trồng lanh, dệt vải, làm trang phục. Đây là một yếu tố quan trọng để đánh giá phẩm chất của một người phụ nữ trong xã hội xưa kia. Nghề rèn gắn liền vai trò của người đàn ông với các sản phẩm như dao, cuốc, lưỡi cày, rèn đục đồ trang sức của phụ nữ... Nghề rèn của người Mông đã đạt đến trình độ cao với kĩ thuật tôi sắt, thép... do đó sản phẩm của nghề rèn không chỉ phục vụ nhu cầu của cộng đồng tộc người Mông mà còn được các tộc người khác như người Thái, Dao, Khơ mú... ưa chuộng. Các nghề thủ công khác như nghề mộc, nghề đan lát... cũng phát triển, chủ yếu sản xuất ra các sản phẩm dùng trong cuộc sống hàng ngày như thìa, bát đũa, chậu gỗ, lò cở, giỏ đựng cơm đi nương... Có thể thấy rằng, “*nghề thủ công đối với đồng bào người Mông là nghề phụ cho kinh tế gia đình, nhưng nó đã có truyền thống từ lâu đời và được phát triển ở trình độ cao*” [5, tr.63]. Người Mông với lối sống tự cấp, tự túc đã tự trang bị cho mình những vật dụng phục vụ cho đời sống và sản xuất một cách tối thiểu, không dư thừa.

Khoảng 10 năm trở lại đây, do kinh tế có sự phát triển, giao thông thuận tiện hơn nên sự giao lưu, trao đổi giữa đồng bào Mông với bên ngoài

cũng được mở rộng, bởi vậy nhiều sản phẩm công nghiệp đã được đồng bào lựa chọn sử dụng thay thế dần các đồ sản xuất thủ công. Trong sinh hoạt hàng ngày, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy sự hiện diện của các loại vật dụng như thùng, chậu, thìa, đĩa bằng nhựa hoặc inox; các loại vải, chỉ màu dùng làm quần áo cũng được mua từ chợ huyện hoặc các cửa hàng chuyên bán nguyên liệu may mặc, áo sơ mi, quần tây cũng được giới trẻ ưa chuộng và sử dụng trong đời sống hàng ngày... Chính vì vậy, hiện nay hầu hết các nghề thủ công truyền thống của người Mông ở xã Tà Xùa đã bị mai một thậm chí mất hẳn như nghề dệt, nghề rèn... Nguyên nhân chủ quan là do các sản phẩm công nghiệp có tính tiện dụng cao và giá thành rẻ hơn nhiều so với đồ sản xuất thủ công truyền thống; bên cạnh đó bản thân người Mông không chú trọng việc “truyền nghề” cho các thế hệ sau, nghề thủ công thường làm vào lúc nông nhàn, các sản phẩm thủ công chỉ được thực hiện theo nhu cầu khi cần kíp của gia đình hoặc cộng đồng hẹp nên thiếu tính liên kết, hợp tác, sản phẩm sản xuất mang tính chất cá thể... Để khắc phục điều này, chính quyền địa phương cần có những chính sách nhằm khôi phục nghề thủ công truyền thống vốn đã mai một, có những chính sách thúc đẩy phát triển hiệu quả như rèn nghề, truyền nghề...

3.2. Một số hình thức sinh kế mới hiện nay

3.2.1. Hoạt động du lịch, dịch vụ

Cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội cả nước nói chung, hiện nay ở xã Tà Xùa đã có sự xuất hiện của một số hình thức sinh kế mới góp phần cải thiện đời sống người dân đồng thời từng bước làm thay đổi cơ cấu kinh tế vốn độc canh nông nghiệp. Hoạt động du lịch ở Tà Xùa bắt đầu xuất hiện từ cuối năm 2016 với hình thức “săn mây” của các bạn trẻ. Năm 2017, trên địa bàn xã đã tiếp nhận 2.729 lượt khách du lịch với các hoạt động chủ yếu là “săn mây” và thăm cây chè cổ thụ hàng trăm năm tuổi [2, tr.26]. Sau 4 năm triển khai, hoạt động du lịch của xã Tà Xùa đã thu được những kết quả khả quan, một số hoạt động thương mại dịch vụ nảy sinh và phát triển như kinh doanh nhà nghỉ (homestay), dịch vụ ăn uống, may và cho thuê trang phục dân tộc... phục vụ khách du lịch. Giá dịch vụ nghỉ trọ tại các homestay giao động từ 50 - 70 nghìn đồng/người/ngày đối với chỗ ngủ tập thể, 100 nghìn đồng/người/ngày áp dụng với phòng riêng cho du khách. Dịch vụ ăn uống

nhìn chung chưa thực sự được chú trọng đầu tư và vẫn là hoạt động dịch vụ đi kèm. Theo khảo sát, mức giá chung cho một suất cơm bình dân tại đây thường có giá là 50 nghìn đồng. Do lượng du khách đến với Tà Xùa ngày càng tăng, hiện nay các homestay trên địa bàn đã bắt đầu mở rộng diện tích và nâng cao chất lượng phục vụ. Trong đó một số homestay có sức chứa đạt từ 40 đến 70 người... hoàn toàn có đủ khả năng phục vụ nhu cầu nghỉ trọ của khách vào thời gian cao điểm (cuối tuần). Song nhìn chung cho đến nay, hoạt động du lịch ở Tà Xùa chủ yếu vẫn mang tính tự phát, địa điểm và hình thức du lịch chưa đa dạng, thiếu tính liên kết... nên phần lớn khách du lịch chỉ đến vào dịp cuối tuần, tạm trú tại đây một đêm sau đó trở về hoặc di chuyển đến những điểm du lịch khác. Bởi vậy thu nhập do hoạt động du lịch mang lại chưa thực sự ổn định và chỉ có tác dụng đối với một số ít hộ dân trong xã thực hiện các dịch vụ kinh doanh.

3.2.2. Hoạt động buôn bán

Các hoạt động mua bán nông sản cũng được người Mông chú trọng. Hiện nay, chè Tà Xùa được biết đến là sản vật độc đáo của đồng bào Mông. Với hàng nghìn ha chè đã và đang cho thu hoạch cùng với giống chè san tuyết hàng trăm năm tuổi mọc trên núi cao thực sự đã được thị trường tiêu dùng đón nhận và tin tưởng, tạo nên uy tín, thương hiệu chè Tà Xùa nổi tiếng trong và ngoài nước. Trước kia, hầu hết chè sản xuất ra đều phụ thuộc vào thương lái đến nhà thu mua. Hiện nay, người Mông đã tự mình đưa chè xuống chợ huyện Bắc Yên, hoặc sang các địa phương lân cận để tiêu thụ. Không chỉ thế nhờ sự phát triển của công nghệ thông tin, một số người Mông còn biết kết nối và quảng bá sản phẩm chè Tà Xùa đến nhiều đối tượng tiêu dùng ở các tỉnh, thành phố như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... thậm chí thu hút một số đối tác người nước ngoài trực tiếp từ các nước như Nhật Bản, Úc... về tận Tà Xùa tham quan cây chè và quy trình sản xuất, thăm định chất lượng chè và thúc đẩy các mối kinh doanh chè xuyên biên giới. Từ đó, giá chè cũng cao hơn so với việc bán cho thương lái, lượng chè tiêu thụ cũng ổn định.

Ngoài đặc sản chè Tà Xùa, các sản phẩm nông nghiệp khác như dong riềng, cây ăn quả (táo mèo, lê, đào...) cũng được đẩy mạnh buôn bán trên thị trường, góp phần nâng cao thu nhập người dân, cải thiện cuộc sống.

3.2.3. Một số hình thức sinh kế mới khác

Dưới tác động của sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình giao lưu hội nhập, tư tưởng, nhận thức của đồng bào Mông cũng dần có sự thay đổi, trở nên cởi mở hơn. Nhiều thanh niên người Mông, chủ yếu là nam giới đã mạnh dạn thoát ly địa bàn để tìm kiếm nguồn sinh kế mới. Đầu tiên phải kể đến số lượng lao động hiện đang làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp trong và ngoài tỉnh với trên 70 người [4]. Bên cạnh đó, một phần nhỏ học sinh - sinh viên cố gắng học tập, sau khi tốt nghiệp có trình độ đã quay trở về quê hương nhận công tác tại các cơ quan Nhà nước như Ủy ban xã, trường học, trạm y tế... đóng góp công sức và trí tuệ vào việc phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội địa phương đồng thời có nguồn thu nhập ổn định và chủ yếu từ những công việc này. Tuy số lượng này không nhiều nhưng nó được ví như một luồng gió mới tác động vào đời sống người Mông vốn còn nhiều khó khăn vất vả, mở ra cho đồng bào những phương thức mưu sinh mới phù hợp với điều kiện phát triển của xã hội ngày nay.

4. KẾT LUẬN

Có thể nhận thấy, sau hơn 20 năm đổi mới và phát triển, sinh kế của người Mông ở xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên đã có nhiều thay đổi. Sản xuất nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo nhưng không còn giữ thế độc tôn trong cơ cấu kinh tế khi xuất hiện một số hình thức sinh kế mới như du lịch, buôn bán, kinh doanh homestay... Những hoạt động này không chỉ góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển, nâng cao thu nhập cho người dân, mặt khác nhờ sự giao lưu, mở rộng quan hệ với bên ngoài cũng chính là một trong những điều kiện giúp nâng cao nhận thức của đồng bào nơi đây. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển sinh kế, các vấn đề về môi trường - xã hội cũng bắt đầu nảy sinh. Đó là tình trạng ô nhiễm môi trường do rác thải, do sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không hợp lý, sự mai một thậm chí mất hẳn của các nghề thủ công truyền thống, các yếu tố văn hóa “ngoại lai” đang dần xâm nhập vào đời sống người dân dẫn đến những thay đổi

rõ rệt trong phong tục tập quán của đồng bào như tang ma, cưới hỏi, lễ hội... Vấn đề cấp bách đặt ra hiện nay là làm thế nào để có thể kết hợp hài hòa giữa phát triển sinh kế bền vững đồng thời không là mất đi các giá trị văn hóa truyền thống tộc người. Thiết nghĩ, để thực hiện được điều này cần phải có sự phối hợp, thực hiện đồng bộ của các cấp chính quyền, giới chuyên môn tư vấn chính sách và quan trọng nhất là nâng cao nhận thức của bản thân tộc người. Chính quyền địa phương cần xác định rõ thế mạnh trong phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện địa hình và đặc trưng văn hóa tộc người Mông, tăng cường hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao nhận thức người dân trong sản xuất phát triển kinh tế, tìm kiếm đầu ra ổn định cho sản phẩm... sẽ tạo động lực cho người dân, phát huy tối đa và hiệu quả các lợi thế trong sản xuất từ đó nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân, ổn định an ninh - chính trị trên địa bàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo Sơn La, xã Tà Xùa, <http://www.baosonla.org.vn:8080/bai-viet/82/ta%20xua>, truy cập ngày 02/10/2020
- [2]. Nguyễn Thị Huyền (2019), Hôn nhân hiện nay của người H' mông Đen ở xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, Luận văn Thạc sĩ Học viện Khoa học Xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
- [3]. Mã A Lệnh – Từ Ngọc Vụ (2014), Tiếp cận văn hóa Hmông, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [4]. Ủy ban nhân dân xã Tà Xùa (2019), Báo cáo Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh năm 2019; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh năm 2020.
- [5]. Cư Hòa Văn – Hoàng Nam (1994), Dân tộc Mông ở Việt Nam, NXB Văn Hóa Dân tộc, Hà Nội.

CHANGES IN THE LIVELIHOOD OF MONG IN TA XUA COMMUNE, BAC YEN DISTRICT, SON LA PROVINCE

Nguyen Thi Huyen
Tay Bac University

Abstract: *Residing in high mountains with unfavorable traffic, almost self-sufficient economic life, the primary livelihood of the Mong people in Ta Xua commune, Bac Yen district (Son La) is mainly from agricultural production. Some new living forms like motel services, commodity trading, tourism have appeared, partly improving the lives of the local people. Based on the results in field studies, the article focuses on analyzing and clarifying the changes in the livelihoods of the Mong people in Ta Xua commune so far. On that basis, it is hope to make a partial contribution to the guideline plan, policies and solutions for the local socio-economic development suitable to the current situation. Thereby, it is to ensure political security, social order and safety for the whole region and the H'mong ethnic group in Ta Xua commune, Bac Yen district in particular.*

Keywords: *Livelihood change, Mong people, Ta Xua, Bac Yen*

Ngày nhận bài: 15/10/2020. Ngày nhận đăng: 16/11/2020

Liên lạc: Nguyễn Thị Huyền; e-mail: nguyenth1990@gmail.com